

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TP. HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THAM KHẢO

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Thời gian làm bài 60 phút, không tính thời gian giao đề.

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. A	5. B	9. A	13. B	17. D	21. A	25. T	29. useful	33. performance
2. B	6. A	10. C	14. A	18. B	22. B	26. T	30. promising	34. developers
3. D	7. D	11. C	15. C	19. C	23. T	27. C	31. increasingly	35. source of information
4. A	8. C	12. D	16. B	20. A	24. F	28. B	32. solar	36. detailed information

37. a better singer than her elder sister

38. difficulty (in) understanding native speakers

39. smoke cigarettes anymore

40. an interest in learning English

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. (NB)

Kiến thức: Phát âm “ed”**Giải thích:**A. horned: /hɔːrnd/B. listed: /'lɪstɪd/C. needed: /'niːdɪd/D. visited: /'vɪzɪtɪd/

Phương án B đuôi “ed” phát âm là /d/, còn lại là /ɪd/

Đáp án A

2. (NB)

Kiến thức: Phát âm “i”**Giải thích:**A. hill: /hɪl/B. tonight: /tə'naɪt/C. filling: /'fɪlɪŋ/D. river: /'rɪvə(r)/

Phương án B “i” phát âm là /aɪ/, còn lại là /ɪ/

Đáp án B

3. (NB)

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. suitable: /'su:təbl/

B. chemical: /'kemɪkl/

C. comfort: /'kʌmfət/

D. musician: /mju'zɪʃn/

Phương án D trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2, còn lại âm 1

Đáp án D**4. (NB)****Kiến thức:** Trọng âm từ 2 âm tiết**Giải thích:**

A. open: /'əʊpən/

B. observe: /əb'zɜ:rv/

C. repeat: /rɪ'pi:t/

D. provide: /prə'vaɪd/

Phương án A trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1, còn lại âm 2

Đáp án A**5. (NB)****Kiến thức:** Liên từ**Giải thích:**

Giáo viên: Làm việc chăm chỉ là chìa khóa thành công trong học tập.

Học sinh: Vâng. Em hiểu. em làm việc chăm chỉ, _____ em hầu như luôn đạt điểm cao.

A. though: mặc dù

B. and: và

C. but: hưng

D. or: hoặc

Ta thấy 2 vế có quan hệ song song với nhau, vì vậy chọn đáp án B. and

Đáp án B**6. (NB)****Kiến thức:** Giới từ**Giải thích:**

Ta có in + tháng => in September

Tạm dịch:

Harry: Khi nào bạn bắt đầu học tiếng Anh? Tiếng Anh của bạn rất ấn tượng.

Lan: Mình vừa bắt đầu chính xác vào tháng 9 năm ngoái.

Đáp án A**7. (TH)**

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

Ta có ở trên sofa là 1 bề mặt => dùng “on”: trên (1 bề mặt)

Tạm dịch:

Thomas: Mike đang làm gì vậy, Ben?

Ben: Cậu ấy đang tìm đồng hồ trên sofa.

Đáp án D

8. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

David: _____ của bạn là gì? Bạn thường làm gì vào thời gian rảnh rỗi?

Nancy: Tôi đọc rất nhiều vào buổi tối.

- A. plan (n): kế hoạch
- B. subject (n): môn học
- C. hobby (n): sở thích
- D. exercise (n): bài tập

=> Chọn C. hobby

Đáp án C

9. (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

- A. who: người mà - dùng cho chủ ngữ
- B. whom: người mà - dùng cho tân ngữ
- C. which: cái mà - dùng cho vật
- D. whose: chủ nhân của - dùng trước danh từ

Ta thấy My friend Anna là người và là chủ ngữ => Chọn A. who

Tạm dịch:

Mike: Chúng tôi đang cố gắng tìm ai đó để bắt đầu chương trình âm nhạc vào tháng tới.

Sarah: Bạn tôi Anna, người hát rất hay, có thể là lựa chọn tốt nhất.

Đáp án A

10. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. boring (adj): nhàm chán
- B. new (adj): mới
- C. devoted (adj): cống hiến

D. shy (adj): rụt rè

=> Chọn C. devoted

Tạm dịch:

Mark: Thầy giáo Vật lý của bạn thế nào?

Helen: Thầy ấy tuyệt lắm. Thầy ấy là một giáo viên tận tụy; đó là lý do tại sao chúng tôi tôn trọng thầy ấy.

Đáp án C

11. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Ta có cấu trúc: get on well: hòa hợp, thích nghi tốt

Tạm dịch:

Bố: Kevin ở trường mới thế nào rồi?

Mẹ: Thằng bé học khá tốt.

Đáp án C

12. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Long: Làm sao để bạn lấy lại tinh thần sau kỳ thi?

Khoa: Tôi thường đi chơi với bạn bè cho _____ như xem phim chẳng hạn.

A. health (n): sức khỏe

B. attitude (n): thái độ

C. duty (n): trách nhiệm

D. entertainment (n): sự giải trí

Đáp án D

13. (TH)

Kiến thức: Chức năng giao tiếp

Giải thích:

Christ: - Chúng ta bắt đầu bây giờ nhé?

Luca: - "_____"

A. Yes, we are. => Loại vì trả lời cho hỏi Do you....?

B. Yes, let's. => Hợp lý, phù hợp trả cho lời rủ

C. OK, we do. => Không tự nhiên

D. No, don't let's not. => Sai ngữ pháp

Đáp án B

14. (TH)

Kiến thức: Chức năng giao tiếp

Giải thích:

Caroline: - " _____ "

Lisa: - "Làm sao bạn có thể chịu được việc chạy bộ trong độ ẩm này?"

- A. Một chút vận động như chạy bộ sẽ tốt cho tôi. => Phù hợp ngữ cảnh
- B. Trời nóng và tôi sẽ đi bơi ngay bây giờ. => Câu đáp không có thông tin về đi bơi => Loại
- C. Tôi đang đứng lên và ngồi xuống để vận động một chút. => Không liên quan đến câu đáp
- D. Đã đến lúc chúng ta phải làm gì đó với độ ẩm này. => Câu đáp tập trung cho việc chạy bộ hơn là thời tiết => Loại

Đáp án A**15. (Th)**

Kiến thức: Đọc hiểu biển báo

Giải thích:

Bạn thấy biển báo này trên một món đồ chơi. Biển báo ghi gì?

- A. Trẻ sơ sinh hai tuổi có thể chơi với món đồ chơi này.
- B. Trẻ em nên chơi với món đồ chơi này trong khoảng ba giờ.
- C. Trẻ em trên ba tuổi có thể chơi với món đồ chơi này.
- D. Món đồ chơi này dành cho trẻ mới biết đi dưới ba tuổi.

Ta thấy hình ảnh là biển báo cấm trẻ em từ 0-3 tuổi => Trẻ em trên 3 tuổi có thể chơi món đồ chơi

Đáp án C**16. (TH)**

Kiến thức: Đọc hiểu biển báo

Giải thích:

LÀM ƠN ĐỪNG LÃNG PHÍ NƯỚC

HÃY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ EM CHÚNG TA

- A. Bạn có thể sử dụng bao nhiêu nước tùy thích. => Loại
- B. Bạn nên tiết kiệm nước cho các thế hệ tương lai. => Phù hợp
- C. Bạn nên khóa vòi nước để bảo vệ trẻ em. => Bảo vệ môi trường, không phải bảo vệ trẻ em => Loại
- D. Bạn không nên sử dụng nước cho bất kỳ mục đích nào. => Loại

Đáp án B**17 (TH)**

Kiến thức: Đọc - từ vựng

Giải thích:

- A. happiness: hạnh phúc
- B. regret: hối tiếc
- C. interest: quan tâm
- D. gratitude: biết ơn

Thông tin: I am writing to express my heartfelt (17) _____ for your unwavering kindness and care during my exam preparations.

=> I am writing to express my heartfelt **gratitude** for your unwavering kindness and care during my exam preparations.

Tạm dịch: Con viết thư này để bày tỏ lòng biết ơn chân thành của con đối với lòng tốt và sự chăm sóc không ngừng nghỉ của Bố trong suốt quá trình chuẩn bị cho kỳ thi của con.

Đáp án D

18 (TH)

Kiến thức: Đọc - từ vựng

Giải thích:

- A. empty: trống rỗng
- B. encouraging: khuyến khích
- C. funny: buồn cười
- D. thankful: biết ơn

Thông tin: Your constant support, late-night study sessions, and (18) _____ words

=> Your constant support, late-night study sessions, and **encouraging** words

Tạm dịch: Sự ủng hộ liên tục, những buổi học khuya và những lời động viên của Bố

Đáp án B

19 (TH)

Kiến thức: Đọc - lượng từ

Giải thích:

- A. little: ít gần như không có
- B. lots: nhiều => Không dùng 1 mình mà cần đi với of
- C. a lot: nhiều, to lớn
- D. nothing: không có gì

Thông tin: Your constant support, late-night study sessions, and (18) _____ words have meant (19) _____ to me.

=> Your constant support, late-night study sessions, and encouraging words have meant **a lot** to me.

Tạm dịch: Sự ủng hộ liên tục, những buổi học khuya và những lời động viên của Bố có ý nghĩa rất lớn đối với con.

Đáp án C

20 (TH)

Kiến thức: Đọc - từ vựng

Giải thích:

- A. focused: tập trung
- B. disappointed: thất vọng

C. fit: phù hợp

D. mysterious: bí ẩn

Thông tin: You believed in me even when I doubted myself, and your patience helped me stay (20) _____ and determined.

=> You believed in me even when I doubted myself, and your patience helped me stay **focused** and determined.

Tạm dịch: Bố đã tin tưởng con ngay cả khi con nghi ngờ bản thân mình, và sự kiên nhẫn của Bố đã giúp con luôn tập trung và quyết tâm.

Đáp án A

21 (TH)

Kiến thức: Đọc - từ vựng

Giải thích:

A. without: không có

B. for: vì

C. like: như

D. beside: bên cạnh

Thông tin: Your sacrifices and understanding made this challenging time manageable, and I couldn't have done it (21) _____ you.

=> Your sacrifices and understanding made this challenging time manageable, and I couldn't have done it **without** you.

Tạm dịch: Sự hy sinh và thấu hiểu của Bố đã giúp con vượt qua được khoảng thời gian đầy thử thách này, và con không thể làm được nếu không có Bố.

Đáp án A

22 (TH)

Kiến thức: Đọc - cụm từ cố định

Giải thích:

Ta có cụm từ: make difference: tạo nên sự khác biệt

Thông tin: Your love and support have (22) _____ all the difference.

=> Your love and support have **made** all the difference.

Tạm dịch: Tình yêu và sự ủng hộ của Bố đã tạo nên tất cả sự khác biệt.

Đáp án B

Dịch bài đọc:

Kính gửi Bố,

Con viết thư này để bày tỏ lòng biết ơn chân thành của con đối với lòng tốt và sự chăm sóc không ngừng nghỉ của Bố trong suốt quá trình chuẩn bị cho kỳ thi của con. Sự ủng hộ liên tục, những buổi học khuya và những lời động viên của Bố có ý nghĩa rất lớn đối với con. Bố đã tin tưởng con ngay cả khi con nghi ngờ bản thân

mình, và sự kiên nhẫn của Bố đã giúp con luôn tập trung và quyết tâm. Sự hy sinh và thấu hiểu của Bố đã giúp con vượt qua được khoảng thời gian đầy thử thách này, và con không thể làm được nếu không có Bố. Cảm ơn Bố đã là chỗ dựa và ánh sáng dẫn đường cho con trong suốt hành trình này. Tình yêu thương và sự ủng hộ của Bố đã tạo nên tất cả sự khác biệt.

Với tất cả tình yêu thương và lời cảm ơn của con,

23 (TH)

Kiến thức: Đọc - đúng/sai

Giải thích: Chạy bộ giúp con người khỏe mạnh hơn về thể chất và tinh thần.

Thông tin: Running boots physical health and mental well-being.

Tạm dịch: Chạy bộ tốt cho sức khỏe thể chất và tinh thần.

Đáp án True

24 (TH)

Kiến thức: Đọc - đúng/sai

Giải thích: Toàn bộ số tiền quyên góp được sẽ được dùng để mở trường học mới.

Thông tin: Funds raised will support community environmental projects.

Tạm dịch: Số tiền quyên góp được sẽ hỗ trợ các dự án môi trường cộng đồng.

Đáp án False

25 (TH)

Kiến thức: Đọc - đúng/sai

Giải thích: Người tham gia không được vứt rác trên đường chạy.

Thông tin: Respect the environment. No littering is allowed.

Tạm dịch: Tôn trọng môi trường. Không được phép xả rác.

Đáp án True

26 (TH)

Kiến thức: Đọc - đúng/sai

Giải thích: Trẻ nhỏ nên xin phép cha mẹ để tham gia.

Thông tin: The run is open to runners of all ages. Children need parental consent.

Tạm dịch: Đường chạy dành cho người chạy ở mọi lứa tuổi. Trẻ em cần có sự đồng ý của cha mẹ.

Đáp án True

27 (TH)

Kiến thức: Đọc - chi tiết

Giải thích: Theo tờ rơi này, những người muốn chạy nên _____

A. quyên góp 100\$ cho mỗi người

B. tham gia lần đầu tiên

C. đủ khỏe để chạy đường dài

D. có mặt tại địa điểm vào ngày 20 tháng 7 năm 2025

Thông tin: Ensure you are in good health and capable of running a five-kilometer race.

Tạm dịch: Đảm bảo bạn có sức khỏe tốt và có khả năng chạy đường đua năm km.

Đáp án C

28 (TH)

Kiến thức: Đọc - chi tiết

Giải thích: Tất cả các câu sau đây đều được đề cập trong tờ rơi TRƯ _____.

- A. Chạy bộ giúp chúng ta nâng cao ý thức cộng đồng.
- B. Người chạy phải nộp giấy chứng nhận sức khỏe.
- C. Người tham gia phải sử dụng đồ dùng thân thiện với môi trường.
- D. Mọi người có thể đăng ký bằng cách truy cập trang web.

=> Thông tin trong bài đưa ra không đề cập tới việc người tham gia chạy phải nộp giấy khám sức khỏe mà chỉ đề cập tới việc phải đảm bảo sức khỏe đủ tốt để chạy bộ đường dài “Ensure you are in good health and capable of running a five-kilometer race.” Suy ra, đáp án B sai.

Đáp án B

Dịch bài đọc:

Hãy tham gia cùng chúng tôi vì một ngày mai sạch hơn! Hãy chạy vì cộng đồng không ô nhiễm!

Chúng tôi chạy để thúc đẩy sức khỏe và tinh thần của mình. Chạy vì sức khỏe thể chất và tinh thần.

Chúng tôi chạy để nâng cao nhận thức của mọi người về tầm quan trọng của việc giảm ô nhiễm đối với môi trường.

Chúng tôi chạy để hỗ trợ các sáng kiến địa phương. Các khoản tiền gây quỹ sẽ hỗ trợ các dự án môi trường của cộng đồng.

Và chúng tôi chạy để nuôi dưỡng tinh thần cộng đồng. Chúng tôi thực sự có thể tận hưởng một ngày vui vẻ và đoàn kết với nhiều thành viên cộng đồng khác.

Yêu cầu đối với người chạy

Tất cả người tham gia phải đăng ký trực tuyến trước ngày 20 tháng 7 năm 2025.

Cuộc chạy dành cho người chạy ở mọi lứa tuổi. Trẻ em cần có sự đồng ý của cha mẹ.

Đảm bảo bạn có sức khỏe tốt và có khả năng chạy một cuộc đua dài năm km.

Người chạy nên mặc đồ chạy thoải mái, thân thiện với môi trường và mang theo chai nước tái sử dụng của riêng bạn.

Tôn trọng môi trường. Không được xả rác.

Chi tiết sự kiện:

- Ngày: 27 tháng 7 năm 2025
- Thời gian: 8:00 sáng - 11:00 sáng
- Địa điểm: Công viên Trung tâm
- Nhận phòng: 7:00 sáng tại lối vào chính

Cách đăng ký:

- Truy cập trang web của chúng tôi: <https://www.cleanertomorrow.org>
- Phí đăng ký: 50 đô la một người (Bao gồm một áo phông thân thiện với môi trường miễn phí.)

Liên hệ với chúng tôi:

- Email: helpenvironment@gmail.com
- Điện thoại: -----04

29 (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Tool là danh từ => ta cần một tính từ để bổ nghĩa và miêu tả cho danh từ tool. Suy ra, ta có useful là tính từ của từ "use".

Tạm dịch: Chat GPT là một công cụ hữu ích cho tất cả chúng ta trong cuộc sống hiện đại.

Đáp án: useful

30 (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Voice là danh từ => ta cần một tính từ để bổ nghĩa và miêu tả cho danh từ Voice. Suy ra, ta có promising là tính từ của từ "promise".

Tạm dịch: Gigi dành giải đặc biệt "giọng hát triển vọng" cho cuộc thi ca hát lần trước.

Đáp án: Promising

31 (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: convenient là tính từ => ta cần một trạng từ đứng trước tính từ để bổ nghĩa cho tính từ ấy. Suy ra, ta có increasingly là tính từ của từ "increase".

Tạm dịch: Cuộc sống đang dần trở nên thuận tiện hơn với người dân ở vùng quê.

Đáp án: increasingly

32 (VD)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: energy là tính từ => ta cần một tính từ đứng trước tính từ để bổ nghĩa cho danh từ ấy. Tuy nhiên, tính từ của từ "sun" có sunny (trời có nắng) & solar (thuộc về mặt trời). Suy ra, dựa vào ngữ cảnh ta có solar là tính từ mang nghĩa phù hợp.

Tạm dịch: Hầu hết những tòa nhà ở Thụy Điển đều được sưởi ấm bằng năng lượng mặt trời.

Đáp án: solar

33 (VD)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích: Ta có trong câu có 's là sở hữu cách, do vậy cần một danh từ đứng sau sở hữu cách. Suy ra, ta có performance là danh từ của "perform".

Tạm dịch: Mặc dù là một học sinh giỏi, phần thi hiện tại của Tom không đồng nhất.

Đáp án: performance

34 (VD)**Kiến thức:** Từ loại**Giải thích:** Ta có software là danh từ, ta cần một danh từ đứng sau một danh từ để là rõ nghĩa của từ. Tuy nhiên, ta có developer và development đều là danh từ. Suy ra, dựa vào ngữ cảnh của câu ta có development là danh từ phù hợp.**Tạm dịch:** Có rất nhiều học sinh dường như rất quyết tâm trở thành kỹ sư phần mềm.**Đáp án: developers****35 (TH)****Kiến thức:** Đọc - điền từ còn thiếu**Giải thích:** Để viết bài luận của mình, tôi đã phải tìm kiếm thông tin từ một _____ đáng tin cậy.

=> dựa vào thông tin trong ảnh ta chọn được cụm từ source of information.

Tạm dịch: Để viết bài luận của mình, tôi đã phải tìm kiếm thông tin từ một nguồn thông tin đáng tin cậy.**Đáp án: source of information****36 (TH)****Kiến thức:** Đọc - điền từ còn thiếu**Giải thích:** Chúng ta cần _____ về cuộc thi để quyết định có nên tham gia hay không.

=> dựa vào thông tin trong ảnh ta chọn được cụm từ detailed information.

Tạm dịch: Chúng ta cần thông tin chi tiết về cuộc thi để quyết định có nên tham gia hay không.**Đáp án: detailed information****37 (TH)****Kiến thức:** Viết - câu so sánh**Giải thích:** Cấu trúc câu so sánh với tính từ ngắn: S1 + to be + better + than + S2

Trong câu này chúng ta cần danh từ đứng sau tính từ nên từ sing => singer.

Tạm dịch: Mary là ca sĩ tốt hơn chị gái của cô ấy.**Đáp án: a better singer than her elder sister.****38 (TH)****Kiến thức:** Viết - cấu trúc câu với difficulty**Giải thích:** Cấu trúc câu với difficulty: S + has/have (no) difficulty (in) + V-ing**Tạm dịch:** Họ không gặp khó khăn nào trong việc hiểu người bản xứ.**Đáp án: difficulty (in) understanding native speakers.****39 (TH)****Kiến thức:** Viết - cấu trúc câu đặc biệt**Giải thích:** Cấu trúc câu: S + don't/doesn't + V + anymore.**Tạm dịch:** Bố tôi không còn hút thuốc nữa.**Đáp án: smoke cigarettes anymore.****40 (TH)**

Kiến thức: Viết - cấu trúc câu đặc biệt

Giải thích: Cấu trúc câu: S + take(s) interest in + V-ing: Hứng thú trong việc làm gì.

Tạm dịch: Cô ấy có hứng thú trong việc học Tiếng Anh.

Đáp án: an interest in learning English.